

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 53 /2025/HNGĐ-PT

Ngày 22 - 8 - 2025

V/v tranh chấp về hôn nhân gia đình
– Ly hôn và chia tài sản chung của
vợ chồng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Liên Hiệp

Các Thẩm phán:

Bà Nguyễn Ái Đoan

Bà Nguyễn Thị Ánh Phương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trúc Hương – Thẩm tra viên.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Cẩm Thúy, Kiểm sát viên.

Trong các ngày 13/8/2025 và ngày 22/8/2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 279/2025/TLPT-HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2025 về việc tranh chấp về hôn nhân và gia đình – “Ly hôn và chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân”.

Do Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 102/2025/HNGĐ-ST ngày 24/4/2025 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang (Nay là Tòa án nhân dân khu vực 5 – Đồng Tháp) bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 995/2025/QĐ-PT ngày 21 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Huỳnh Kế H, sinh năm 1953;

Địa chỉ: Ấp M, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang (Nay là xã M, tỉnh Đồng Tháp).

Bị đơn: Nguyễn Thị Ngọc A, sinh năm 1956;

Địa chỉ: Ấp M, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang (Nay là xã M, tỉnh Đồng Tháp).

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Huỳnh Thiện P, sinh năm 1979;
- Huỳnh Thiện L, sinh năm 1985;
- Lê Thị T, sinh năm 1987.

Cùng địa chỉ: Ấp M, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang (Nay là xã M, tỉnh Đồng Tháp).

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn ông Huỳnh Kế H; Bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc A; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Huỳnh Thiện P, chị Lê Thị T.

(Ông H, bà A, chị T, anh L và anh P có mặt tại phiên tòa. Anh L vắng mặt khi tuyên án).

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo Đơn khởi kiện (Về việc: Xin ly hôn) và B tự khai vào ngày 05/12/2022 của ông Huỳnh Kế H; Trong quá trình thu thập chứng cứ, tại phiên tòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Huỳnh Kế H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông H và bà A cưới nhau và xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 1976, không có đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2009 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do không hợp tính tình, bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Bà A thường xuyên kiềm cố xúc phạm ông nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không thể hàn gắn được. Vợ chồng chính thức ly thân từ năm 2010 đến nay. Ông H xác định tình cảm vợ chồng với bà A không còn nên ông yêu cầu được ly hôn với bà Nguyễn Thị Ngọc A.

- Về con chung: Ông H và bà A có 04 người con chung tên là: Huỳnh Thiện P, sinh năm 1979; Huỳnh Thị Ngọc M, sinh năm 1982; Huỳnh Thiện L, sinh năm 1985; Huỳnh Thị Như N, sinh năm 1987. Hiện nay các con chung đã trưởng thành và có khả năng lao động được nên ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung:

Ông H xác định có 02 thửa đất:

+ Thửa đất số 1125, diện tích 3.516m² đất vườn tọa lạc tại ấp M, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang được Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho bà Nguyễn Thị Ngọc A đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

+ Thửa đất số 44, diện tích 3.235,9m² đo đạc thực tế là 3.279,6 m² đất vườn tọa lạc tại ấp M, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang do Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy vào ngày 01/3/2013 cho bà Nguyễn Thị Ngọc A đứng tên.

Và 01 căn nhà có kết cấu: vách tường mái lợp ngói, nền gạch men, cột bê tông có chiều ngang khoảng 10 mét và chiều dài 15 mét hiện tại căn nhà do chị T đang ở và quản lý. Kết cấu của căn nhà theo biên bản định giá tài sản.

Ông H yêu cầu chia đôi đối với tài sản chung là 01 căn nhà và thửa đất số 44, diện tích đo đạc thực tế là 3.279,6 m² đất vườn tọa lạc tại ấp M, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang do Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy vào ngày 01/3/2013 cho bà Nguyễn Thị Ngọc A đứng tên.

Thửa đất 1125 còn lại, diện tích 3.516m² đất vườn tọa lạc tại ấp M, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang ông H đồng ý để cho bà A được toàn quyền sử dụng, không yêu cầu chia.

- Về nợ chung: Không có.

* Tại Bản tự khai ngày 31/12/2022 của bà Nguyễn Thị Ngọc A, Trong quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên tòa giải, bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc A trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Huỳnh Kế H cưới nhau và xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 1976, không có đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 1987 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do ông H có quan hệ với người phụ nữ khác, không chăm lo cho vợ con. Vợ chồng sống ly thân từ năm 1987 cho đến nay. Bà A không đồng ý ly hôn với ông Huỳnh Kế H.

- Về con chung: Bà A và ông H có 04 người con chung tên là: Huỳnh Thiện P, sinh năm 1979; Huỳnh Thị Ngọc M, sinh năm 1982; Huỳnh Thiện L, sinh năm 1985; Huỳnh Thị Như N, sinh năm 1987. Hiện nay các con chung đã trưởng thành và có khả năng lao động được nên ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Bà A xác định vợ chồng không có tài sản chung.

Số tài sản ông H trình bày gồm có: 02 thửa đất số 1125, diện tích 3.516m² đất vườn tọa lạc tại ấp M, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang được Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho bà Nguyễn Thị Ngọc A đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Thửa đất số 44, diện tích 3.235,9m² đất vườn tọa lạc tại ấp M, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang do Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy vào ngày 01/3/2013 cho bà Nguyễn Thị Ngọc A đứng tên và 01 căn nhà có kết cấu vách tường mái lợp ngói, nền gạch men, cột bê tông có chiều ngang khoảng 10 mét và chiều dài 15 mét hiện tại căn nhà do hộ gia đình anh Huỳnh Thiện L đang ở và quản lý là tài sản riêng của cá nhân của bà A. Bà A đã mua số tài sản này lại từ mẹ chồng là cụ Nguyễn Thị C. Hai thửa đất số 1125 và thửa đất số 44 bà A mua lại từ má chồng là cụ Nguyễn Thị C, số tiền bao nhiêu bà không nhớ rõ. Riêng căn nhà là do cụ C để lại cho bà để chăm lo cho các con.

Đối với yêu cầu chia tài sản chung của ông H, bà A không đồng ý. Bà A xác định 02 thửa đất số 44 và thửa đất số 1125 là tài sản riêng của bà.

- Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Huỳnh Thiện P trình bày:

Anh canh tác trên thửa đất số 1125, diện tích 3.516m² đất vườn tọa lạc tại ấp M, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang được Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho bà A giao cho anh P canh tác vào năm 2000 đến nay. Các cây trồng trên đất do anh P trồng. Thời điểm anh P canh tác thì ông H không biết vì ông H không có đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đất do mẹ anh là bà Ngọc A đứng tên nên anh P trồng mít từ năm 2000. Đối với cây do anh P trồng trên đất, anh không có ý kiến và đề nghị Tòa án giải quyết theo đúng quy định của pháp luật. Anh không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của ông H. Anh P đồng ý theo ý

kiến của bà A và xác định các tài sản tranh chấp không phải tài sản chung của bà Ngọc A với ông H.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Huỳnh Thiện L và chị Lê Thị T đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không có văn bản ghi ý kiến, vắng mặt tại các phiên hòa giải.

Tại phiên tòa sơ thẩm, anh L và chị T không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của ông H.

* Tại Quyết định Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 102/2025/HNGĐ – ST, ngày 24/4/2025 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang (Nay là Tòa án nhân dân khu vực 5 – Đồng Tháp) đã tuyên xử:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Kế H.

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của ông Huỳnh Kế H. Cho ông Huỳnh Kế H được ly hôn bà Nguyễn Thị Ngọc A.

- Về tài sản chung:

- + Xác định thửa đất số 44, diện tích đo đạc thực tế 3279,6 m² tại ấp M, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang được Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 01/03/2013 cho bà Nguyễn Thị Ngọc A đứng tên và căn nhà + hành lang trên đất là tài sản chung của vợ chồng bà A và ông H trong thời kỳ hôn nhân.

- + Chia cho bà Nguyễn Thị Ngọc A quyền sử dụng thửa đất số 44, diện tích đo đạc thực tế 3279,6 m² tại ấp M, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang được Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 01/03/2013 cho bà Nguyễn Thị Ngọc A đứng tên. Phần đất có tứ cận cụ thể như Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 14/7/2023 của Liên doanh Công ty TNHH Đ và Công ty TNHH MTV Đ1. (Có sơ đồ chi tiết kèm theo)

- + Chia cho bà Nguyễn Thị Ngọc A được quyền sở hữu căn nhà + hành lang trên thửa đất số 44, diện tích đo đạc thực tế 3279,6 m² tại ấp M, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Bà A có nghĩa vụ trả cho ông H ½ giá trị tài sản chung bằng tiền tương ứng là 641.913.600 đồng, thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày ông H có đơn yêu cầu thi hành án nếu bà A chậm thi hành đối với phần tiền thì còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

- Đình chỉ xét xử đối với một phần yêu cầu khởi kiện mà ông H yêu cầu chia thửa đất số 1125 do bà Nguyễn Thị Ngọc A đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Đình chỉ xét xử đối với một phần yêu cầu khởi kiện mà ông H yêu cầu chia thửa đất số 1125 do bà Nguyễn Thị Ngọc A đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Về án phí: Ông H thuộc trường hợp người cao tuổi và đơn theo quy định tại Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy

ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên ông H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Bà A phải chịu 29.676.544 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên thời hạn, quyền kháng cáo và quyền, nghĩa vụ, thời hiệu thi hành án của các đương sự.

* Kháng cáo:

- Ngày 24/4/2025, nguyên đơn của vụ án là ông Huỳnh Kế H kháng cáo một phần quyết định bản án: Ông H yêu cầu chia tài sản chung diện tích đất thuộc thửa 1125, diện tích 3.516m². Ngày 05/5/2025, ông H có đơn rút đơn kháng cáo;

- Ngày 12/5/2025, bị đơn là bà Nguyễn Thị Ngọc A kháng cáo toàn bộ quyết định của bản án đề nghị Tòa cấp phúc thẩm không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Huỳnh Kế H; Bà Ngọc A đề nghị Tòa án xem xét miễn án phí dân sự sơ thẩm, phúc thẩm cho bà vì bà là người cao tuổi.

- Ngày 08/5/2025, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là anh Huỳnh Thiện P và chị Lê Thị T kháng cáo toàn bộ quyết định của bản án đề nghị Tòa cấp phúc thẩm không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Huỳnh Kế H.

* Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bà Nguyễn Thị Ngọc A đồng ý ly hôn với ông Huỳnh Kế H nên bà đồng ý rút một phần yêu cầu kháng cáo. Đối với tài sản mà ông H xác định là tài sản chung và yêu cầu chia, bà Ngọc A không đồng ý. Bà Ngọc A xác định: Bà và ông H không có tài sản chung. Những tài sản mà ông H yêu cầu chia là tài sản riêng của bà Ngọc A.

- Anh Huỳnh Thiện P và chị Lê Thị Thúy R yêu cầu kháng cáo.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật ở giai đoạn phúc thẩm:

+ Về tố tụng: Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa cũng như Hội đồng xét xử, Thư ký và đương sự có mặt tại phiên tòa đều chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung; Đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của ông Huỳnh Kế H, chị Lê Thị T, anh Huỳnh Thiện P. Đình chỉ xét xử phần kháng cáo của bà Nguyễn Thị Ngọc A về quan hệ hôn nhân.

+ Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Ngọc A cho rằng diện tích đất thuộc thửa 44 là tài sản riêng của bà.

+ Căn nhà và hành lang trên thửa đất số 44: Ông H rút yêu cầu khởi kiện và bà Ngọc A đồng ý nên hủy một phần bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện này của ông H.

+ Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Ngọc A về yêu cầu được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Sửa bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, đã được kiểm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời phát biểu của vị đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của ông Huỳnh Kế H, bà Nguyễn Thị Ngọc A, anh Huỳnh Thiện P và chị Lê Thị T trong hạn luật định, hợp lệ nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của ông Huỳnh Kế H, bà Nguyễn Thị Ngọc A, anh Huỳnh Thiện P và chị Lê Thị T.

Qua chứng cứ thể hiện tại hồ sơ, lời trình bày của đương sự tại phiên tòa cho thấy:

[2.1] Ngày 24/4/2025, ông Huỳnh Kế H là nguyên đơn của vụ án kháng cáo: Ông H yêu cầu chia $\frac{1}{2}$ thửa đất số 1125, diện tích 3.516m² đất tọa lạc tại ấp M, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Vào ngày 05/5/2025, ông H có đơn xin rút đơn kháng cáo.

Xét thấy: Việc rút đơn kháng cáo của ông H là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc, có căn cứ và phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Áp dụng điểm b Khoản 1 Điều 189 của Bộ luật tố tụng dân sự: Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu chia $\frac{1}{2}$ thửa đất số 1125, diện tích 3.516m² đất tọa lạc tại ấp M, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang (Nay là xã M, tỉnh Đồng Tháp) của ông Huỳnh Kế H.

[2.2] Bà Nguyễn Thị Ngọc A kháng cáo: Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Nguyễn Thị Ngọc A đồng ý ly hôn với ông Huỳnh Kế H. Đối với tài sản mà ông H xác định là tài sản chung và yêu cầu chia, bà Ngọc A không đồng ý. Bà Ngọc A xác định: Bà và ông H không có tài sản chung. Những tài sản mà ông H yêu cầu chia là tài sản riêng của bà Ngọc A.

Xét thấy:

[2.2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Ngọc A trình bày ly thân với ông H từ năm 1987 vì ông H đã chung sống với người phụ nữ khác, có con chung và không về nhà. Điều này cho thấy, tình cảm vợ chồng lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Ông H yêu cầu được ly hôn với bà Ngọc A và bà Ngọc A đồng ý ly hôn là phù hợp với quy định tại Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Do đó, Hội đồng xét xử: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Huỳnh Kế H và bà Nguyễn Thị Ngọc A.

[2.2.2] Về tài sản:

- Đối với thửa đất số 44, tờ bản đồ số 17, diện tích 3.235,9m² đo đạc thực tế là 3.279,6 m², mục đích sử dụng: đất trồng cây lâu năm tọa lạc tại ấp M, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang do Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy vào ngày 01/3/2013 cho bà Nguyễn Thị Ngọc A đứng tên.

Hồ sơ thể hiện tài liệu, chứng cứ: Quá trình thu thập chứng cứ có tại hồ sơ, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C xác nhận nguồn gốc thửa đất số 44 cấp bà Nguyễn Thị Ngọc A theo dạng xét duyệt tập trung của xã T năm 1997. Việc bà Ngọc A trình bày mua diện tích đất này lại từ mẹ chồng là bà Nguyễn Thị C nhưng không có chứng cứ chứng minh. Việc cấp đất tranh chấp vào năm 1997 thì ông H và bà Ngọc A vẫn còn tồn tại quan hệ hôn nhân nên Tòa cấp sơ thẩm xác định diện tích đất này là tài sản chung của ông H và bà A là có căn cứ và phù hợp. Tuy nhiên, bà Ngọc A và các con chung là những người trực tiếp sử dụng đất, có công sức đóng góp nhiều hơn ông H từ năm 1997 đến nay dựa vào các tài liệu, chứng cứ:

+ Khi nộp đơn khởi kiện, ông H có nộp kèm theo 01 đơn xin xác nhận tại Ủy ban nhân dân xã T với nội dung *“Nguyên tôi có cưới vợ tôi vào năm 1976 chung sống với nhau đến năm 1997 nhưng không có làm giấy kết hôn”*;

+ Ông H thừa nhận, ông có chung sống với người phụ nữ khác, các con chung (người con lớn sinh năm 1988, người con nhỏ sinh năm 2002) và hiện nay ông H vẫn còn chung sống với người phụ nữ này.

Bản án sơ thẩm đã xét chia $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản chung cho ông H mà chưa xem xét đến quá trình sử dụng đất, công sức đóng góp để tạo lập nên tài sản chung của bà Ngọc A và lỗi trong quan hệ hôn nhân của ông H là chưa phù hợp. Do đó, căn cứ vào công sức đóng góp của bà Ngọc A, ông H và lỗi của ông H, xét thấy chia cho ông H $\frac{1}{3}$ giá trị tài sản chung đối với thửa đất số 44 là có căn cứ và phù hợp.

Bà Ngọc A kháng cáo và không xuất trình được chứng cứ chứng minh đã mua đất từ mẹ chồng là cụ Nguyễn Thị C nên Hội đồng xét xử chỉ chấp nhận một phần kháng cáo của bà Ngọc A về tài sản chung.

Như vậy, có căn cứ chấp nhận thửa đất số 44, tờ bản đồ số 17, diện tích 3.235,9m² đo đạc thực tế là 3.279,6 m², mục đích sử dụng: đất trồng cây lâu năm tọa lạc tại ấp M, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang do Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 01/3/2013 cho bà Nguyễn Thị Ngọc A đứng tên là tài sản chung phát sinh trong thời kỳ hôn nhân giữa ông Huỳnh Kế H và bà Nguyễn Thị Ngọc A.

Theo biên bản định giá tài sản của Hội đồng định giá ngày 14/7/2023 thể hiện giá đất mà Hội đồng định giá đã định là đất trồng cây lâu năm có diện tích là 3.279,6m² với giá là 280.000 đồng/m² nên tổng giá trị tài sản mà bà Ngọc A được nhận bằng hiện vật là 918.288.000 đồng. Xét chia cho ông H được hưởng $\frac{1}{3}$ giá trị tài sản chung, cụ thể là:

$$918.288.000 : 3 = 306.096.900 \text{ đồng.}$$

Bà Nguyễn Thị Ngọc A được quyền sử dụng diện tích đất thuộc thửa đất số 44, tờ bản đồ số 17, diện tích 3.235,9m² đo đạc thực tế là 3.279,6 m², mục đích sử dụng: đất trồng cây lâu năm, đất tọa lạc tại ấp M, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang do Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 01/3/2013 cho bà Nguyễn Thị Ngọc A đứng tên.

Bà Ngọc A có trách nhiệm thanh toán 1/3 giá trị tài sản chung cho ông Huỳnh Kế H tương ứng với số tiền là 306.096.000 đồng (Ba trăm lẻ sáu triệu chín mươi sáu nghìn đồng).

- Không chấp nhận yêu cầu nhận đất của ông H vì hiện tại thửa đất do bà A đang trực tiếp quản lý, sử dụng và đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

[2.2.3] Đối với căn nhà và hành lang gắn liền với thửa đất số 44, ông H và bà Ngọc A thống nhất tách phần tài sản tranh chấp này để giải quyết thành vụ án khác. Ông H rút một phần yêu cầu khởi kiện và bà Ngọc A đồng ý.

Hội đồng xét xử xét thấy: Ông H và bà Ngọc A đều thống nhất căn nhà trên đất và hành lang là tài sản của cụ Nguyễn Thị C. Ông H trình bày: cụ C cho ông và bà Ngọc A phần tài sản này. Riêng bà Ngọc A trình bày: cụ C cho bà và các con của bà, ông H để sinh sống. Tuy nhiên, ông H và bà Ngọc A đều không có giấy tờ, tài liệu và chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình. Cụ C đã chết, không để lại di chúc nên căn nhà và hành lang nêu trên là di sản chưa chia của cụ C. Vì vậy, việc thống nhất tách phần căn nhà và hành lang nêu trên để giải quyết thành 01 vụ án khác của ông H và bà Ngọc A, đồng thời ông H rút một phần yêu cầu khởi kiện là tự nguyện, có căn cứ và phù hợp nên chấp nhận.

Do ông H rút đơn khởi kiện nên Hội đồng xét xử: Hủy một phần bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện đối với phần tài sản là căn nhà và hành lang gắn liền với thửa đất số 44 của ông Huỳnh Kế H.

[2.2.4] Xét kháng cáo yêu cầu miễn án phí dân sự sơ thẩm của bà Nguyễn Thị Ngọc A:

Vào ngày 12/5/2025, bà Ngọc A có đơn xin miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm. Bà Nguyễn Thị Ngọc A sinh năm 1956, tính đến nay bà Ngọc A 69 tuổi, là người cao tuổi thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định tại điểm đ Khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Kháng cáo xin miễn án phí dân sự sơ thẩm của bà Ngọc A là có căn cứ và phù hợp nên chấp nhận. Bà Ngọc A được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo quy định nêu trên.

[2.3] Xét kháng cáo của anh Huỳnh Thiện P và chị Lê Thị T:

Tại phiên tòa phúc thẩm, anh P và chị T rút toàn bộ yêu cầu kháng cáo. Việc rút đơn kháng cáo của chị T và anh P là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc, có căn cứ và phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.4] Đối với thửa đất số 1125, diện tích 3.516m², mục đích sử dụng: V tọa lạc tại ấp M, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang được Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho bà Nguyễn Thị Ngọc A đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: Ông H không có tranh chấp và thống nhất để cho bà A được quyền sử dụng đất đối với diện tích đất này. Do đó, bà Nguyễn Thị Ngọc A được quyền sử dụng diện tích 3.516m², thuộc thửa đất số 1125, tờ bản đồ TTC3, mục đích sử dụng: V, đất tọa lạc tại ấp M, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang (Nay là xã M, tỉnh Đồng Tháp) do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho bà Nguyễn Thị Ngọc A vào ngày 16/6/1997.

[2.5] Xét ý kiến đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

Từ những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị Ngọc A; Đình chỉ kháng cáo của ông Huỳnh Kế H, anh Huỳnh Thiện P và chị Lê Thị T; Sửa bản án sơ thẩm.

Hủy một phần Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm và đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện đối với phần tài sản là căn nhà và hành lang gắn liền với thửa đất số 44 của ông Huỳnh Kế H.

[3] Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Do sửa Bản án sơ thẩm nên bà Nguyễn Thị Ngọc A không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại Khoản 2 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông Huỳnh Kế H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm do là người cao tuổi nên được miễn án phí.

Anh Huỳnh Thiện P và chị Lê Thị T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 91, Điều 147, Điều 148 và Khoản 2,4,5 Điều 308, Điều 312 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Các Điều 33, 35, 43, 55; điểm b, d Khoản 2 Điều 59 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Các Điều 213, 219, 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự;

Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 và điểm d Khoản 1 Điều 12, Khoản 4 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của ông Huỳnh Kế H, chị Lê Thị T và anh Huỳnh Thiện P.

2. Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Nguyễn Thị Ngọc A.

3. Hủy một phần bản án dân sự sơ thẩm và đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Kế H đối với phần tài sản là căn nhà và hành lang gắn liền với diện tích đo đạc thực tế là 3.279,6 m², thuộc thửa đất số 44, tờ bản đồ số 17, mục đích sử dụng: đất trồng cây lâu năm; đất tọa lạc tại ấp M, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang do Ủy ban nhân dân huyện C cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 01/3/2013 cho bà Nguyễn Thị Ngọc A đứng tên.

4. Sửa Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 102/2025/HNGĐ-ST ngày 24/4/2025 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang (nay là Tòa án nhân dân khu vực 5 - Đồng Tháp).

4.1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Huỳnh Kế H và bà Nguyễn Thị Ngọc A.

4.2. Về con chung: Ông H và bà Ngọc A có 04 người con chung tên là: Huỳnh Thiện P, sinh năm 1979; Huỳnh Thị Ngọc M, sinh năm 1982; Huỳnh Thiện L, sinh năm 1985; Huỳnh Thị Như N, sinh năm 1987.

Hiện nay các con chung đã trưởng thành và có khả năng lao động được nên ông H và bà Ngọc A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4.3. Về tài sản chung:

- Bà Nguyễn Thị Ngọc A được quyền sử dụng diện tích đất thuộc thửa đất số 44, tờ bản đồ số 17, diện tích 3.235,9m² đo đạc thực tế là 3.279,6 m², mục đích sử dụng: đất trồng cây lâu năm; đất tọa lạc tại ấp M, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang (Nay là xã M, tỉnh Đồng Tháp) do Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 01/3/2013 cho bà Nguyễn Thị Ngọc A đứng tên.

Diện tích đất có tứ cận cụ thể như Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 14/7/2023 của Liên doanh Công ty TNHH Đ và Công ty TNHH MTV Đ1 (Có sơ đồ chi tiết kèm theo).

- Bà Ngọc A có trách nhiệm thanh toán 1/3 giá trị tài sản chung cho ông Huỳnh Kế H tương ứng với số tiền là 306.096.000 đồng (Ba trăm lẻ sáu triệu chín mươi sáu nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án cho đến khi thi hành án xong.

- Đình chỉ xét xử đối với một phần yêu cầu khởi kiện mà ông H yêu cầu chia thửa đất số 1125, diện tích 3.516m², mục đích sử dụng: V, đất tọa lạc tại ấp M, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang (Nay là xã M, tỉnh Đồng Tháp) được Ủy ban

nhân dân huyện C cấp cho bà Nguyễn Thị Ngọc A đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

5. Về án phí:

- Ông Huỳnh Kế H và bà Nguyễn Thị Ngọc A được miễn án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm.

- Chị Lê Thị T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm. Nhưng được nhận khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số 0001652, ngày 09/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang (Nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 5 – Đồng Tháp).

- Anh Huỳnh Thiện P phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm. Nhưng được nhận khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số 0001653, ngày 09/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang (Nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 5 – Đồng Tháp).

6. Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
 - TAND khu vực 5 – Đồng Tháp;
 - THADS tỉnh Đồng Tháp;
 - Các đương sự;
 - Lưu: VT, hồ sơ vụ án.
- DSPT-2025-H

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Liên Hiệp